KHỞI NGHĨA HOÀNG CÔNG CHẤT (1739-1769)

NGUYỄN PHAN QUANG*

I. SƠ LƯỢC DIỄN BIẾN CUỘC KHỞI NGHĨA

Từ cuối năm 1739, phong trào nông dân ở Đàng Ngoài phát triển thành cao trào sôi nổi và mãnh liệt. Hàng loạt cuộc khởi nghĩa lớn bùng lên ở nhiều nơi, tiêu biểu là các cuộc khởi nghĩa Nguyễn Tuyển, Nguyễn Cừ, Vũ Trác Oánh, Nguyễn Hữu Cầu ở Hải Dương, Hoàng Công Chất, Vũ Đình Dung ở Sơn Nam, Lê Duy Mật ở Thanh Hóa, Nguyễn Danh Phương ở Sơn Tây.

Cuộc khởi nghĩa Hoàng Công Chất cũng đã bùng lên từ năm 1739, hoạt động mạnh trên địa bàn trấn Sơn Nam. Nghĩa quân Hoàng Công Chất rất giỏi thủy chiến, sở trường lối đánh du kích, chiến đấu linh hoạt, "khi tan khi hợp" và thường không xây dựng căn cứ cố định ở một nơi. Quân Trịnh nhiều lần tiến đánh nhưng vẫn không sao dẹp nổi.

Đầu năm 1746, trấn thủ Sơn Nam Hoàng Công Kỳ đem quân đàn áp, bị nghĩa quân mai phục bắt sống. Cuối năm 1748, Hoàng Công Chất phối hợp với nghĩa quân Nguyễn Hữu Cầu. Sau mấy lần thua liên tiếp, năm 1751, Nguyễn Hữu Cầu chạy vào Nghệ An, Hoàng Công Chất chạy vào Thanh Hóa.

Bấy giờ những cuộc cuộc khởi nghĩa lớn ở vùng đồng bằng lần lượt tan rã, Hoàng Công Chất phải rút lên vùng Thượng du, dựa vào miền núi để hoạt động. Sau đó, Chất theo đường núi tiến ra miền Hưng Hóa, liên kết với một thủ lĩnh nghĩa quân tên là Thành (1) để mở rộng cuộc khởi nghĩa. Giữa năm 1751, thủ lĩnh Thành bị bắt trong một cuộc tấn công của quân Trịnh, Hoàng Công Chất phải rút lên Châu Ninh Biên (Lai Châu) rồi dần mở rộng hoạt động ra nhiều nơi thuộc vùng Tây Bắc (Điện Biên, Sơn La, Hưng Hóa, Hòa Bình...).

Thời gian hoạt động ở vùng Tây Bắc, Hoàng Công Chất ngày càng gắn bó với nhân dân các dân tộc thiểu số, duy trì cuộc khởi nghĩa trong vòng 30 năm, hình thành một trung tâm khởi nghĩa ở vùng rừng núi Hưng Hóa và xây dựng một thành lũy kiên cố ở xã Noọng Hét (thuộc Điện Biên).

Hoạt động của nghĩa quân Hoàng Công Chất trên miền Tây Bắc từ năm 1751 đến năm 1768 (năm Hoàng Công Chất qua đời) tượng trưng cho khối đoàn kết đấu tranh giữa nông dân nghèo miền xuôi và nhân dân các dân tộc thiểu số vùng Tây Bắc.

Hoạt động của nghĩa quân Hoàng Công Chất còn được ghi lại đậm nét trong những

*PGS. TS. Trường Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh.

cuốn sử hoặc được lưu truyền qua những câu hát của dân tộc Thái ở Tây Bắc.

II. HOẠT ĐỘNG CỦA NGHĨA QUÂN TRÊN ĐỊA BÀN TRẤN SƠN NAM (1739-1741)

Hoàng Công Chất còn có tên là Hoàng Công Thư (2). Những năm 1739-1741, Hoàng Công Chất liên kết với các thủ lĩnh Vũ Đình Dung, Nguyễn Tuyển, Nguyễn Cừ hoạt động ở vùng đồng bằng Đông Nam. Sau khi các cuộc khởi nghĩa này bị đàn áp, nghĩa quân Hoàng Công Chất vẫn tiếp tục mở rộng hoạt động trên địa bàn trấn Sơn Nam. Nghĩa quân giỏi thủy chiến, chiến đấu linh hoạt, "ra vào nơi cỏ rậm bùn lầy không thể biết được tung tích".

Mở đầu cuộc đàn áp, chúa Trịnh cử các tướng chia quân theo ba hướng, đón đánh nghĩa quân ở Đông An [?], nhưng không kết quả: "Các đạo quân triều đình chia làm ba đường: Các tướng Trịnh Kinh đi đường núi, Hoàng Công Kỳ (người Trình Xá, huyện Thần Khê, xuất thân hoạn quan) theo đường phía Tả sông, Phạm Trần Tông theo đường phía Hữu sông, cùng tiến. Lại sai đốc trấn Vũ Tá Liễn (tạo sĩ xã Hà Hoàng, huyện Thạch Hà) cùng chức phủ dụ sứ là Đỗ Văn Thành hợp quân đón đánh Chất ở Đông An, không thắng được" (3).

Năm 1743, Trịnh Doanh sai thống lĩnh Trương Nhiêu vây đánh nghĩa quân nhưng vẫn không hiệu quả. Cuối năm đó, họ Trịnh sai sứ đi "chiêu an"; nhân đó, Hoàng Công Chất giả xin hàng, thực chất là để có thời gian củng cố lực lượng. Chúa Trịnh bằng lòng với điều kiện Hoàng Công Chất phải giải binh và về triều bái yết. Hoàng Công Chất cự tuyệt các điều kiện, chiếm giữ phủ Khoái Châu (Hưng Yên).

Về sự kiện này, Minh đô sử chép: "Bấy giờ dư đảng của Nguyễn Cừ, Nguyễn Tuyển đóng đồn ở vùng này, đồn lớn đến vài ngàn, đồn nhỏ không kém 500, 600 người, ra vào đồng cỏ không biết tông tích, bấy giờ gọi là giặc cỏ; trong đó lực lượng của Công Chất là mạnh hơn cả. Bọn thống lĩnh Trương Nghiêu chia quân đuổi bắt, giặc tan rồi họp lại ngay. Triều đình bèn sai sứ đi chiêu an. Nguyễn Đình Hoàn, Trần Huy Bật chủ trương theo lời bàn đó. Trịnh Doanh cũng chán việc binh, muốn trao quan tước cho Chất, khiến tới cửa khuyết. Nhưng Công Chất vẫn giữ Khoái Châu, không chịu giải binh" (4).

Cuối năm 1743, trước cuộc tấn công đàn áp lớn của quan tướng họ Trịnh, nghĩa quân bị thất bại nặng trong trận Đỗ Xá (Kim Động, Hưng Yên) nhưng vẫn bám giữ căn cứ Khoái Châu và mở rộng hoạt động sang các vùng lân cận trong các năm 1744-1745: "Chất vẫn giữ Khoái Châu. Đinh Văn Giai, Nguyễn Đình Hoàn đánh phá ở làng Đỗ Xá, huyện Kim Động. Gặp lúc nước sông Nhị lên to, Đình Hoàn xin phá đập cho nước tràn vào làm ngập chết quân của Chất. Trịnh Doanh cho rằng làm như vậy sẽ hại đến các huyện lân cận..." (5).

Cuối năm 1745, nghĩa quân Hoàng Công Chất bắt sống được trấn thủ Sơn Nam Hoàng Công Kỳ trong một trận tập kích. Bấy giờ Hoàng Công Kỳ "dựa vào đồn lũy mới đắp, cưỡi voi xem xét; phục binh của Chất ập tới bắt được. Công Kỳ đến Tam Chế, không chịu khuất mà chết (nay ở huyện Tiên Lữ có 3 xã Dị Chế, Nghĩa Chế, Chế Trì); Chất bèn cướp phá các huyện Thần Khê, Thanh Quan, cùng hợp với quân của Nguyễn Hữu Cầu" (6).

Các năm 1746-1748, Hoàng Công Chất phối hợp với nghĩa quân Nguyễn Hữu Cầu tiến đánh trấn thành Sơn Nam, sau đó lại tấn công thành Thăng Long nhưng bị quân Trịnh đánh lui, lại phải rút về Sơn Nam.

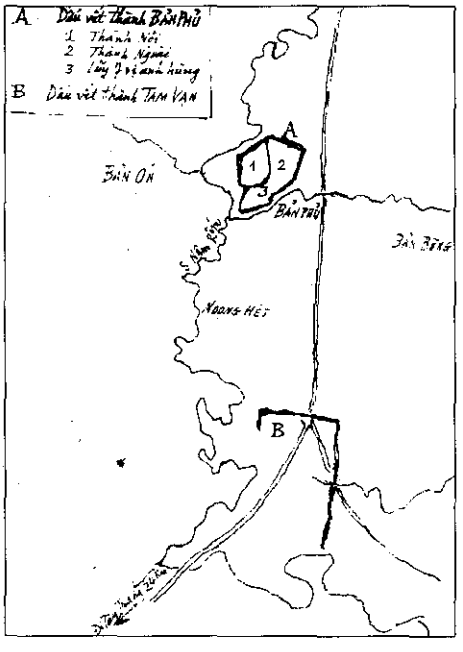

Cuối năm 1748, quân chúa Trịnh do Hoàng Ngũ Phúc và Phạm Đình Trọng chỉ huy theo đường Nam Xang, Bình Lục tấn công mãnh liệt vào các căn cứ của nghĩa quân ở địa phận Mã Não và Hương Nhi. Trận này nghĩa quân thua nặng, lại bị truy đuổi đến Khe Rồng (Phụ Dực). Thất bại liên tiếp, Nguyễn Hữu Cầu phải chạy vào Nghệ An, Hoàng Công Chất chạy vào Thanh Hóa (7) rồi theo đường núi tiến ra vùng Hưng Hóa (8).

Thời gian hoạt động ở Thượng du Thanh Hóa, nghĩa quân Hoàng Công Chất phát triển sang vùng Thượng Lào, phối hợp với nghĩa quân Lê Duy Mật, lực lượng tăng lên nhanh chóng. Theo sách Phanh Mường (Dựng Mường) của người Thái ở Mường Muổi, khi Hoàng Công Chất đến Sầm Nưa, thanh niên tham gia nghĩa quân rất đông, lực lượng lên đến 3.000 người:

"Quân tiến mạnh do Thiên Chất cầm đầu

Đóng một dải suốt dọc sông Mã

Lấy Xốp Xan [Xiềng Khọ] làm đại bản doanh".

Từ năm 1751, các cuộc khởi nghĩa lớn lần lượt bị đàn áp, nghĩa quân Hoàng Công Chất rơi vào tình thế khó khăn, phải di chuyển lên vùng trung du, thượng du, dựa vào địa thế hiểm trở chờ thời cơ tiếp tục cuộc chiến đấu.

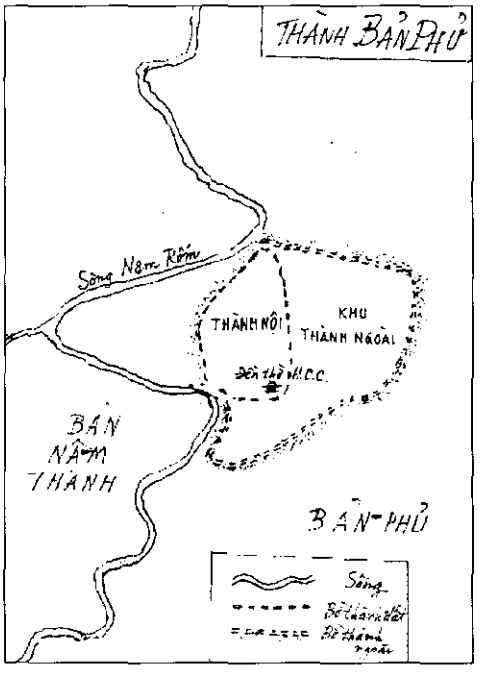

III. HOẠT ĐỘNG CỦA NGHĨA QUÂN TRÊN ĐỊA BÀN HƯNG HÓA

Nhân dân vùng rừng núi Hưng Hóa phần đông là dân tộc Thái. Năm 1760, một thủ lĩnh địa phương tên là Thành nổi dậy, chiếm giữ vùng đất giáp biên giới Vân Nam (Trung Hoa). Hoàng Công Chất liên kết với thủ lĩnh Thành, phát triển lực lượng thành một cuộc khởi nghĩa lớn ở Hưng Hóa. Tướng của họ Trịnh là Đinh Văn Thản không đàn áp nổi, quân lính chết nhiều vì lam chướng.

Tháng 6-1751, Lê Đình Châu được cử thay Đinh Văn Thản vừa bị chết, lấy thêm quân lính trấn Tuyên Quang kéo lên bao vây nghĩa binh. Trong trận này, thủ lĩnh Thành bị bắt, Hoàng Công Chất phải rút lên động Mãnh Thiên (9) ở châu Ninh Biên xây dựng thành lũy làm căn cứ vững chắc cho cuộc chiến đấu lâu dài. Những thành lũy xưa của Hoàng Công Chất hiện còn dấu vết.

Thành Tam Vạn

Theo Lê Quý Đôn: "đất Mường Thanh giáp với Trung Quốc và Xa-lý thuộc Nam Man... Mường Thanh trước có thành Ba Vạn, cũng có tên là động Mãnh Thiên. Năm trước nghịch Chất lén lút chiếm cứ, đến năm Kỷ Sửu [1769] mới bình được; năm Đinh Dậu [1777] mới đặt làm châu Ninh Biên. Châu này thế núi vòng quanh, nước sông bao bọc, đồn sở ở giữa, ruộng đất bằng phẳng màu mỡ, bốn bên đến chân núi đều phải đi một ngày đường. Công việc làm ruộng bằng một nửa châu khác mà hoa lợi thu hoạch gấp đôi... Có một quả núi, nước suối rất mặn, thú rừng thời thường đến uống, người địa phương dùng nỏ bắn được rất nhiều, tục gọi là "mỏ thịt"... (10).

Đại Nam nhất thống chí [ĐNNTC] dựa theo sách *Hưng Hóa phong thổ lục* của Hoàng Trọng Chính, chép: "Tên Ninh Biên, tên châu gọi là Mường Thanh. Thành cổ Ba Vạn, ở xã Ba Man tại châu trị châu Ninh Biên, cao chừng 1 trượng 5 thước, rộng ước 130 mẫu, trong thành trồng tre và cây, hào sâu dốc. Tương truyền đời Lê Vĩnh Hựu [1735-1740] Hoàng Công Thư đóng binh ở đây, đã đắp thành này, có thể chứa được ba vạn người nên gọi là tên như thế. *Bắc Thành dư địa chí* viết: gọi là Tam vạn, vì trong thành có ba vạn cái cối giã gạo để cung cấp lương thực cho quân" (11).

Khi dịch Kiến văn tiểu lục (KVTL), Phạm Trọng Điềm chú thích về thành Tam Vạn như sau: "Thành Tam Vạn ở địa phận Mường Thanh thuộc Điện Biên Phủ, thành cao ước 1 trượng 2 thước, rộng hơn 100 mẫu, ngoài có hào lũy bao bọc. Tương truyền hồi Lê mạt, Hoàng Công Chất đóng ở thành này để kháng cự với nhà Lê, bèn làm ba vạn thủy đôi (cái cối dùng sức nước để giã gạo) ở ven suối, ven hào ngoài thành, để cho đối phương tưởng mình có nhiều quân, nên gọi là thành Tam Vạn. Nhưng theo *Hưng Hóa thực lục* vì trong thành có thể dung được ba vạn nhà ở; lại theo tục truyền, trong thành có thể chứa được ba vạn quân. Chưa rõ thuyết nào là đúng" (12).

Theo HLTSKL, "Núi Cổ Thành ở châu Ninh Biên, hình núi tròn rộng, tiếp với nước Nam Chưởng. Trên núi có thành cổ Tam Vạn, phía sau núi có sông Hắc Long, có thể thông sang nước Xá Cẩu" (13).

Dựa trên kết quả điều tra kết hợp với tư liệu thư tịch, các tác giả Đặng Nghiêm Vạn, Cầm Trọng mô tả chi tiết thành Tam Vạn như sau: "Thành Tam Vạn do người Lự đắp từ thế kỷ XIII, hiện nay còn di tích ở Điện Biên. Sử Việt Nam thường chép lầm với thành Chiềng Lè (phiên âm: Trình Lệ) do Hoàng Công Chất xây dựng. Thành Tam Vạn chiếm cả một khu vực lớn ở phía Bắc Mường Thanh, khoảng 1/3 cánh đồng Điện Biên. Phía trước thành có hai lũy tre chạy dài hơn 3km đắp cao vượt đầu người, cạnh có đào hào sâu nối liền hai con sông Nậm Rốm và Nậm Núa. Thành rộng hàng chục cây số vuông, có thể chứa hàng vạn gia đình, bao gồm mấy xã hiện nay, mà trung tâm là xã Xam Mứn. Miền chính giữa của thành nằm sát vào 3 ngọn núi Nang-Nòn, Tạo-Nòn và Pú-Huổi-Chọn (núi Nàng Ngủ, núi Tạo Ngủ, núi Suối Chọn) bên cạnh hồ U-Va. Trên một quả đồi cao cạnh hồ có đồn

canh chính, đứng đó có thể nhìn bao quát toàn cánh đồng. Bên hồ có bãi rộng, là nơi tụ họp nhân dân trong thành trong các ngày tế lễ, đình đám. Trên sườn đồi quanh bãi cỏ phạt thành bậc làm nơi để chúa và các chức dịch tùy theo thứ bậc ngồi, nay còn thấy rất nhiều mảnh ché rượu Lào. Cách hồ khoảng 1km có một quả đồi rất đẹp, trên đỉnh xưa dựng một đền thờ Phật, gọi là Vạt-bua-hốm. Rải rác suốt trong thành, ven quanh sườn núi và trên hai bờ sông Nậm Rốm, Nậm Núa là nơi nhân dân ở. Tương truyền trong thành có dựng ba vạn cối giã gạo nước, chứa được ba vạn dân đinh nên gọi là thành Tam Vạn" (14).

Thành Bản Phủ

Sau khi đánh tan giặc cỏ, Hoàng Công Chất nhận thấy thành Tam Vạn (Xam Mứn) nằm ở địa thế bất lợi, bèn cho xây thành mới, tức thành Bản Phủ diện tích khoảng 80 mẫu, có tre gai mang từ miền xuôi lên, trồng xung quanh; có tháp canh, có đường thành cao rộng cho voi ngựa di chuyển trên thành. Ngoài thành có hào rộng 4-5 thước. Thành có 4 cửa tiền, hậu, tả, hữu; ở mỗi cửa có xây một thành đắp cao, có vọng tiêu và lính canh giữ. Trong thành có khu ngoại vi là nơi lính đóng. Hoàng Công Chất cho đào 133 ao, hình dáng khác nhau: vuông, tròn, tam giác, lục giác, bát giác. Hiện nay còn thấy di tích vị trí nhà ở của quân lính, nơi làm kho lương, kho vũ khí, nơi chăn ngựa, chăn voi. Giữa thành có phủ, là nơi các thủ lĩnh nghĩa quân đóng. Nay có miếu thờ Hoàng Công Chất và 6 tướng lĩnh nổi tiếng của ông. Đền thờ mới được nhân dân Điện Biên xây lại năm 1936, nay chỉ còn một số di tích nhỏ. Chiếc chuông đồng trong đền được đúc từ thời Hoàng Công Chất đã bị thực dân Pháp lấy đi mất.

Bài "Vè Hoàng Công Chất" lưu truyền ở Mường Thanh có đoạn kể việc xây thành Bản Phủ (15):

Một cuốn sử của người Thái ở Tây Bắc cũng ghi: "Việc xây thành Bản Phủ do ông Thiên Chết [Chất] và Ngải, Khanh điều khiển".

Từ căn cứ Mường Thanh, Hoàng Công Chất phát triển lực lượng ra khắp miền Tây Bắc. Ông chia lại ruộng công cho dân, lôi kéo những người có uy tín ở các châu mường, dần dần thu phục được toàn vùng Tây Bắc. Trong dân gian có câu hát:

"Đây, dưới xuôi có vua
Trên này có chúa
Những miền từ Mường Puồn, Châu Ét,
Từ Đà Bắc, Chợ Bờ,
Lại phía trên từ Xo, Là trở xuống
Tất cả đều có quy phục chúa Mường Thanh
Đất Mường Thanh rộng một dải
Nậm Rốm, Nậm U, Nậm Núa
Vây quanh thành Bản Phủ
Chúa thật lòng yêu dân
Chúa xây bản dựng mường
Mọi người đều yên ổn..."

Sử của người Thái Tây Bắc cho biết thêm: khi Hoàng Công Chất xây thành Bản Phủ, ông vẫn tiếp tục sửa sang thành Tam Vạn để sử dụng. (Theo tư liệu của ông Cầm Trọng).

Các tướng lĩnh nghĩa quân

Trước khi đến Mường Thanh (thời gian ở Thượng Lào), Hoàng Công Chất thu nạp thêm nhiều thủ lĩnh người Thái ở Tây Bắc, tiêu biểu là Ngải và Khanh. Truyền thuyết vùng Tây Bắc kể rằng: Ngải và Khanh là hai anh em ruột, quê ở Mường Sại (nay là xã Chiềng Muôn, huyện Thuận Châu, Sơn

La), mồ côi cha từ bé. Sau đó, Ngải và Khanh theo mẹ về quê ngoại ở Mường Piềng (nay là xã Chiềng Khoang, huyện Thuận Châu), lớn lên trong cảnh nghèo túng, không nhà cửa ruộng vườn. Vì không đứng chủ gia đình nên Ngải, Khanh "chưa có quyền được hưởng ruộng công và nghĩa vụ đi việc mường". Sau khi mẹ mất, Ngải, Khanh phải sống cảnh tha phương cầu thực.

Được biết đất Mường Thanh giàu có, dân tình hiền hậu, thương người nghèo, Ngải, Khanh bèn lên ở đó. Nhưng chẳng bao lâu, giặc Pong (Phẻ, Lự) tràn vào cướp phá Mường Thanh. Cùng chung số phận với nhân dân, Ngải, Khanh chạy sang Xiềng Khọ (Thượng Lào) lánh nạn. Tại đây, hai người gặp nghĩa quân Hoàng Công Chất và được Công Chất thu nạp. Ngải, Khanh gọi Hoàng Công Chất là "quan thầy mặc áo nâu" (quan sáng nung sửa đeng bâu) (16).

Trong dân gian Mường Thanh, tên tuổi Ngải, Khanh gắn liền với tên tuổi thủ lĩnh Hoàng Công Chất, là biểu tượng của sự đoàn kết dân tộc miền xuôi, miền ngược:

"Quân Ngải, Quân Khanh

Quân ông Thiên Chết

Tới xây thành Bản Phủ

Ai muốn biết sẽ đến coi

Thấy chăng kìa, người Hoa và người Kinh hát hò trong phủ,

Lào, Thái, Xá vui mừng tay làm nhanh nhanh...".

Nguyên văn tiếng Thái:

"Quận Ngải, Quận Khanh, kên ông Thiên Chết;

Ma dệt thanh Bản Phủ,

Phẩu é hụ ma dử dóng đu;

Hên to! Hán cánh Keo hát hố cùng phủ;

Phủ, Lao, Tay, Xá muôn mửa mứ dệt văn puông"

(Bài vè Hoàng Công Chất xây thành Bản Phủ, sưu tầm ở sông Mã năm 1962 - Theo tư liệu của ông Cầm Trọng).

"Thiên Chết" tức "Then Chất". "Then" là tên gọi tôn kính đối với vị đứng đầu cao nhất. Trong "Quám tố mướng" (Sử của người Thái ở Tây Bắc) có chỗ ghi Hoàng Công Chất là "Vua Hoàng", ngụ ý ngang hàng với vua miền xuôi. Cũng có chỗ ghi là "Keo Chất", có nghĩa là "người Kinh tên Chất", cũng hàm ý gọi chung nghĩa quân của Hoàng Công Chất.

Ngoài hai tướng lĩnh Ngải, Khanh, có thể kể thêm:

- Hai cha con Cầm Tom, Cầm Phanh: vốn dòng quý tộc, cai quản Mường Muổi (Thuận Châu). Sau một thời gian mất quyền hành, do vi phạm một lỗi trong luật mường (tội giết con trai và nghi con làm phản), Cầm Tom lại được nhân dân đón về cai quản mường như cũ, rồi bị lực lượng đối lập bắt nộp cho chính quyền Lê-Trịnh. Nhờ đút lót cai ngục, Cầm Tom lại trốn về Mường Muổi. Khi giặc Pong ở Vân Nam kéo sang đánh chiếm mường, Cầm Tom chống không nổi, phải cải trang làm dân lánh sang Xiềng Khọ (Lào). Tiếp đó, Cầm Tom gặp Lê Duy Mật vừa lên Thượng Lào, bèn cùng Xa Văn Ba (ở Mộc Châu) và Cầm Phẩn (ở Mai Sơn, tức Mường Mụa) tham gia nghĩa quân Lê Duy Mật. Năm 1750, Hoàng Công Chất phối hợp với Lê Duy Mật chuẩn bị tiến về Tây Bắc. Từ năm 1754, Cầm Tom theo Hoàng Công Chất, nhưng cũng năm đó ông mất. Người con là Cầm Phanh (tức Phìa Chu) lên thay cha, tiếp tục

đi theo Hoàng Công Chất. Khi quân Trịnh kéo lên đàn áp, Cầm Phanh kiên cường chống cự, nhưng thế yếu phải chạy sang căn cứ cũ của Hoàng Công Chất ở Xiềng Khọ và mất ở đó. Cha con Cầm Tom đại diện cho các phìa tạo địa phương ngả theo nghĩa quân Hoàng Công Chất.

Một điểm cần lưu ý: Tuy Lê Duy Mật và Hoàng Công Chất phối hợp với nhau, nhưng trên thực tế lực lượng của Lê Duy Mật và của Hoàng Công Chất hoạt động trên hai khu vực riêng biệt. Phía Bắc từ Tuần Giáo, Điện Biên trở lên thuộc phạm vi ảnh hưởng của Hoàng Công Chất; phía Nam từ Mộc Châu về đến Văn Chấn thuộc phạm vi ảnh hưởng của Lê Duy Mật.

- Cầm Phẳn (ở Mai Sơn, tức Mường Mụa): Theo "Quám tố mướng" ở Mường Mụa, Cầm Phẳn thuộc dòng quý tộc thế tập. Khi bị giặc Phẻ đuổi, ông đưa gia đình sang Lào và gia nhập nghĩa quân Hoàng Công Chất. Ông được Hoàng Công Chất giúp đỡ đưa về cai quản đất mường cũ. Chẳng bao lâu ông mất.

- Bun Xao: Sách "Quám tố mướng" của Mường La chép: "Khi người cha là Bun Dom còn làm chủ đất Mường La thì Bun Xao bị giặc Phẻ bắt đem lên vùng Trung Lăng, Hoàng Nham. Tám năm sau, Bun Xao trở về, biết tin cha mình đã bị giặc Phẻ giết, ông bèn xin theo "Thiên Chết" và được Hoàng Công Chất "cấp sắc cho Bun Xao về làm chủ đất Mường La được 10 năm [1760-1769]". Khi quân Trịnh lên đàn áp, ông đem gia quyến vào vùng Híp Khoang (Mường Bằng). Trong một bản tâu lên chúa Trịnh của Bun Hiêng (người thay Bun Xao) có đoạn: "Bun Xao được cai quản đất Mường La là nhờ Thiên Chết" (theo tư liệu của ông Cầm Trọng).

Về các tướng lĩnh và phìa tạo đi theo nghĩa quân Hoàng Công Chất, cần phân biệt:

- Các thủ lĩnh xuất thân nông dân và tầng lớp dưới nói chung (gồm cả người miền xuôi và người dân tộc). Đây là những thủ lĩnh thực sự của nghĩa quân, tập trung đóng ở Bản Phủ, về sau được nhân dân thờ trong đền Bản Phủ: ngoài Thiên Chết, có Quận Chung, Quận Ngải, Quận Khanh, Quận Xiêm, Quận Tả, Quận Hữu. Tên bảy vị này được ghi trong bài "khấn" khi cúng lễ ở đền Bản Phủ.

- Các phìa tạo đi theo nghĩa quân, đều được Hoàng Công Chất tạo điều kiện cho về cai quản các mường cũ và "cống nạp" cho nghĩa quân. Sách "Quám tố mướng" chép rõ: "Thời đó, ông Thiên Chết xưng chúa ở đất Mường Thanh. Các tạo mường không còn đi cống nạp ở kinh đô nữa, mà lên cống cho chúa Thiên Chết". Sách này cũng có đoạn phản ánh sự hưởng ứng của các tù trưởng khi Hoàng Công Chất mới đến Mường Thanh:

"Binh tiến mạnh, quan lớn Thiên Chết
Là tướng hùng đem binh đóng ven sông
Dọc theo sông sang đến tận Xốp-Xan
Lệnh ban ra cho các phìa tạo đất mường
Đem lương, trâu đến giúp nuôi quân..."

Cũng có một số phìa tạo chống lại nghĩa quân và đã bị trừng trị, như trường hợp Phìa Khuyên. Vẫn theo "Quám tố mướng":

"Phìa [Khuyên] tìm được vài tên đi hầu hạ
Đến gặp Thiên Chết tỏ lời chống lệnh
Thiên Chết nói dịu:
"Binh quan tới, tại sao không đem lương tới?

Không còn coi mặt bề trên này ra gì nữa!"

Phìa [Khuyên] vẫn cưỡng, đem phép triều đình ra dọa,

Thiên Chất bèn sai bắt trói Phìa Khuyên

Phìa vẫn khăng khăng một mực cưỡng lệnh

Thiên Chất bèn sai chém chết Phìa Khuyên

Thôi đành bỏ xác, hồn bay về trời!"

(Theo Sử của người Thái ở Mường Muổi, trước đó "Phìa Khuyên đã từng gọi Phẻ Co, Phẻ Kiền ở đất Hán, đất Ngô về đánh phá bản mường").

*

Từ căn cứ Mãnh Thiên, nghĩa quân mở rộng hoạt động và làm chủ 10 châu của phủ Yên Tây (17), lan ra khắp trấn Hưng Hóa, vào đến thượng du Thanh Hóa. Nhân dân các dân tộc và các thổ tù đều hưởng ứng, ủng hộ nghĩa quân. "Chất tới đâu, mộ dân làm lính; dân đều đi theo đến nỗi cha sai con, vợ khuyên chồng, chặt cày bừa làm giáo mác, xé áo làm cờ mang đi theo Chất. Thế lực của Chất thêm mạnh, quan quân chia đường tiến đánh chưa thể được" (18).

Một lần nữa, chúa Trịnh lại sai sứ đi chiêu dụ, nhưng "Công Chất vẫn giữ hiểm, lan tràn, chiếm đất 10 châu".

Những năm 1767-1768, nghĩa quân Hoàng Công Chất đã biến vùng rừng núi Hưng Hóa thành một trung tâm khởi nghĩa.

Cuối năm 1767, nghĩa quân từ phủ Yên Tây tiến xuống đánh chiếm các Châu Mộc (thuộc Sơn La ngày nay), Châu Mai (thuộc Hòa Bình ngày nay) và chia quân tiến sâu vào vùng thượng du Thanh Hóa đánh phá các sách, động (thuộc địa bàn Thọ Xuân, Cẩm Thủy, Lang Chánh...), dự tính kéo xuống đánh úp Phụng Hóa (Nho Quan, Ninh Bình). Các trấn thủ Hưng Hóa, Thanh Hóa hoảng sợ, cáo cấp về triều xin cứu viện (19).

Được tin báo, chúa Trịnh Sâm huy động một loạt tướng lĩnh chuẩn bị các cánh quân kéo lên Thanh Hóa, Hưng Hóa: "Sai bọn thiếu phó Trịnh Phưởng (tông thất Họ Trịnh), tham đốc Phác trung hầu Đinh Văn Phục (người Hàm Giang, thuộc huyện Cẩm Giàng), chỉ huy đồng tri là Hoàng Đình Thể đến Hưng Hóa. Bọn Nguyễn Đức Thân, Nguyễn Đình Duy, Lê Trọng Thể đến Thanh Hóa, đều đem binh bản bộ phụ theo sự điều khiển của trấn quan. Lại sai Nguyễn Phương Đĩnh, phó tri Hộ phiên Nguyễn Trọng Đương đến trấn Nghệ An. Chức đô chỉ huy sứ nội giám là Lê Đình Châu, tri công phiên Phan Chánh Lễ đến trấn Thanh Hóa kiểm tra tình hình quân số, quân nhu và hư thực của giặc cùng việc đánh giữ của quan quân (20).

"Tháng 11 [1767] Hoàng Đình Thể đem đạo quân Thanh Hóa, một cánh do đường Mộc Phù, Mường Chanh (thuộc châu Mai Sơn) tiến lên, một cánh do đường Mường Nội, Xóm Húc (thuộc châu Sơn La) tiến lên, đến Nậm Công, qua Nậm Hôn, đến đầu địa giới Trấn Ninh là lào Nà Hạng. Ngày 11 tháng đó qua các lào Nà Cỏ, Chấp Cấp đến lào Mường Bao, cùng hợp binh với thổ tù Hưng Hóa là Hà Công Thái.

"Hoàng Đình Thể lại nghe tin đảng của Hoàng Công Chất trốn trong đất Xa Hổ và Nậm Ban, bèn lấy quân của hai châu Thuỷ Vỹ và Bàn tiến lên đóng ở châu Chiêu Tấn" (21).

IV. TRẬN NẬM CÔ - CHUNG CỤC CUỘC KHỞI NGHĨA

Tháng 2 [1768], Trịnh Sâm cử Nguyễn Đình Huấn (thống lãnh) cùng Phạm Ngô Cầu (hiệp thống lãnh) huy động quân lính ba đạo Sơn Tây, Hưng Hóa, Thanh Hóa hợp sức tiến đến bản doanh của Hoàng Công Chất ở Mường Thanh (Điện Biên).

Nguyễn Đình Huấn tiến quân đến Cổ Pháp, nghe tin nghĩa quân của Lê Duy Mật đã kéo sang Mường Thanh phối hợp với Hoàng Công Chất để đối phó với quan quân sắp kéo lên, Đình Huấn không dám tiến thêm, nói với bộ hạ rằng: "Từ hai châu Mai, Mộc trở lên núi non hiểm trở, trong khoảng 100 dặm muôn ngàn gian khó, trên đường đi phải qua 4 khúc sông, nếu gặp mưa nước lũ đến, đá núi sụt lở, sợ rằng lương thực không chuyển đến kịp, chi bằng đóng đồn lại ở đây, chờ dịp thuận tiện hơn" (22).

Bị chúa Trịnh khiển trách, Đình Huấn vẫn ngần ngại, tâu về triều: "Giặc ở mường bản bắt dân làm vườn không nhà trống, chia lực lượng chống cự, muốn đánh quan quân bất ngờ. Quân triều đình thì lương thực không được liên tục, tiến hay dừng đều khó, quân lính lại ốm đau nhiều còn phải chạy chữa thuốc men, nay xin rút quân về chỗ yên ổn, chờ lần khác hãy tiến quân" (23).

Trịnh Sâm liền triệu Đình Huấn về, giao quyền thống lãnh cho giám quân Đoàn Nguyễn Thục, chia quân làm nhiều cánh đồng loạt đánh thẳng vào căn cứ Mường Thanh.

Bấy giờ Hoàng Công Chất vừa chết, con là Hoàng Công Toản lên thay. Trước sức tấn công của quân triều đình, nghĩa quân bố trí trận địa mai phục ở Nậm Cô. Theo Sử người Thái ở Tây Bắc, khi quân Trịnh từ Mường Ẳng [?] đánh vào Điện Biên, nghĩa quân "đón đánh ở một vị trí núi non hiểm trở nằm trên quãng đường độc đạo từ Điện Biên ra Mường Ẳng. Quân Trịnh tiến công nhiều lần đều bị bẫy đá của nghĩa quân đánh lui. Sau quân Trịnh phải cho một cánh quân đánh tập hậu thì nghĩa quân mới bị tan vỡ. Vị trí trận đánh từ đó mang tên là Pú-Xá-Hin (Núi bẫy đá).

Tác giả Minh đô sử chép về trận đánh cuối cùng ở Nậm Cô như sau: "Giặc đóng ở Nậm Cô chống lại, những nơi yếu hại đều có mai phục. Giặc phao tin rằng: triều đình có sức mạnh vạn quân thì ta đây có thế hiểm trở của muôn núi, liệu quan quân có thể bay vượt qua sông được chăng! Không ngờ Đoàn Nguyễn Thục đã cho khinh binh đánh trước, quan quân tiếp đến ba bề bốn bên. Quân triều hướng về phía Tây, quân giặc hướng về phía Đông, cách nhau không ngoài mấy bước, hỏa đồng bắn ra loạn xạ, khói bốc đen trời".

Vẫn theo Minh đô sử, trước thế mạnh của quan quân, "giặc bèn lui xa. Đoàn Nguyên Thục đem quân tinh nhuệ chặn đánh, chẹn đường rút chạy của giặc. Phục binh giặc cùng nổi lên, nào quân ngựa, nào quân bộ, nào giáo, nào nỏ, người hét ngựa hí, xông vào liều đánh. Quân triều ra sức đánh trả, phá tan được giặc, bắt sống được rất nhiều".

Trong khi nghĩa quân tập trung lực lượng bố trí trận địa mai phục ở Nậm Cô, thì quân triều đình đã phóng hỏa đốt cháy thành Bản Phủ; Công Toản định quay trở về thành lũy "thì đã thấy bốn bề lửa cháy rực trời", bèn cùng một số nghĩa quân tìm đường thoát.

Về sự kiện này, các tài liệu thư tịch cũ ghi chép không giống nhau:

- Theo *Đại Nam nhất thống chí*, sau khi quan quân đánh chiếm thành Bản Phủ,

Hoàng Công Toản "chạy sang nương náu ở Vân Nam [?]" (24).

- Sách *Bình Hưng thực lục* chép: "Tháng giêng Kỷ Sửu [1769], Đoàn Nguyên Thục vào Thanh Châu. Con Chất là Hoàng Công Toản, sau khi thua trận ở Nậm Cô [tháng 12 năm Mậu Tý] bỏ chạy sang Trấn Ninh. Dư đảng đã bỏ thành lũy chạy trốn vào Mường Bồn từ hai ngày trước khi quân quan đến nơi" (25).

-Sách *Minh đô sử* cũng chép tương tự: "Sau trận thua ở Nậm Cô, Toản chạy về châu Thanh liên kết với các chúa Man đem Man trắng để nhờ giúp đỡ..., mộ lính cảm tử quyết đánh nữa nhưng không được.

Công Toản đang đêm thức dậy, xách giáo trở về lũy, thấy bốn bề lửa cháy rực trời. Quân triều đình chia đường tiến vào. Công Toản vội vã cưỡi con ngựa tốt, chạy sang Trấn Ninh" (26).

- Theo Sử của người Thái ở Tây Bắc: "Công Toản, Ngải, Khanh chạy được sang miền Nậm U, còn các tướng khác chạy không kịp phải nhảy vào kho đạn tự thiêu mình" (theo tư liệu của ông Cầm Trọng) (27).

*

Nhận định về tầm vóc và ý nghĩa cuộc khởi nghĩa Hoàng Công Chất, sách *Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam*, cho rằng: "Cuộc khởi nghĩa duy trì được hoạt động trong 30 năm (1739-1769), là một trong hai cuộc khởi nghĩa kéo dài nhất trong phong trào nông dân giữa thế kỷ XVIII... Sau khi chuyển lên vùng rừng núi Thanh Hóa, Hưng Hóa, cuộc khởi nghĩa nông dân miền xuôi chuyển thành một phong trào đoàn kết đấu tranh rộng rãi của dân nghèo người Kinh và nhân dân thiểu số bị áp bức" (28).

Cuộc khởi nghĩa bị đàn áp, nhưng ký ức về nghĩa quân và tên tuổi người anh hùng nông dân Hoàng Công Chất vẫn sống mãi trong dân gian vùng Sơn Nam và vùng Tây-Bắc.

CHÚ THÍCH

(1). Thủ lĩnh Thành: Theo *Hậu Lê thời sự kỷ lược* (HLTSKL) (khuyết danh). Tư liệu Viện Sử học. Bản dịch của Đỗ Mộng Khương, "năm Canh Thìn [1760], người xứ Hưng Hóa tên Thành họp quân cướp phá, tràn sang biên giới Trung Hoa, thổ quan nhà Thanh không trị nổi. Đốc bộ Vân Nam đưa thư báo họp quân [với Trịnh] cùng đánh. Chúa bèn sai trấn quan Hưng Hóa, trả lời hẹn ngày hai quân cùng đánh giặc ấy. Tháng 5, Chúa sai Đinh Văn Thản (lưu thủ Hưng Hóa) tiến đánh giặc Thành. Năm Tân Tỵ [1766], tháng 5..., bấy giờ quan quân Hưng Hóa vây mãi giặc Thành; quân sĩ nhiều người ốm, sốt rét, chết dịch... Tháng 9, giặc Thành nhân nước lên to, phá vây chạy, quan quân đuổi theo bắt được, giải về kinh sư, giết giặc Thành cùng đồ đảng. Đốc lĩnh Đinh Văn Thảo bỏ quân nơi nước độc, nhiều người bị chết. Nhiều lần bị Chúa mắng, Thản buồn bực mà chết".

(2). "Chất nguyên tên là Thư (người Thư Trì, Sơn Nam; có chỗ nói là người ở Hoàng Vân, Phú Xuyên). Khoảng năm Canh Thân, Chất theo Nguyễn Cừ. Cừ thua, Chất liền tập hợp dư đảng, chiếm giữ xứ Sơn Nam rộng rãi, khinh nhờn cướp phá, ra vào không thường. Đốc lĩnh Hoàng Kim Trảo không chế ngự nổi (Lê Trọng Hàm - *Minh đô sử*- Tư liệu Viện Sử học, Bản dịch của Nguyễn Hữu Chế)..

(3). Lê Trọng Hàm. *Minh Đô sử*, tư liệu Viện Sử học. Bản dịch của Nguyễn Hữu Chế.

(4), (5), (6). Lê Trọng Hàm. *Minh Đô sử*, tư liệu Viện Sử học. Bản dịch của Nguyễn Hữu Chế.

(7). Theo *Hậu Lê thời sự kỷ lược*. Sđd: "Năm Quý Tỵ [1743]..., trước đây miền đông bị tàn phá, ruộng bỏ hoang, dân tan tác mọi nơi. Lũ vô lại họp nhau ở chỗ rậm rạp, đóng đồn nhiều nơi... Một dải bờ bắc sông rậm rạp vút mắt, giặc ra vào không biết tung tích... Các đám giặc ấy chợt tan chợt hợp, thanh thế ngày càng mạnh, kiệt hiệt nhất là lũ Hoàng Công Thư...

Tháng 12, năm Qúy Hợi [1743] sai Nguyễn Đình Hoàn làm Đông-nam đại thống lĩnh, Trần Huy Bật làm tán lý, đi đánh dẹp Hoàng Công Thư... Năm Giáp Tý [1744], Nguyễn Đình Hoàn nói: chỗ giặc ở, cỏ cây rậm rạp, quan quân đến đàng trước thì nó chạy đàng sau, đến bên tả thì nó chạy sang bên hữu... Hoàng bắt dân phu đi đánh giặc, nhân dân kinh động...

Năm Mậu Thìn [1748], tháng 3, quan quân đi đánh giặc Chất. Treo giải thưởng bắt giặc: ai bắt được giặc Chất thì thưởng quan tam phẩm, tước quận công... Năm Canh Ngọ [1750], tháng giêng, Hoàng Ngũ Phúc, Phạm Đình Trọng đánh tan giặc Cầu [Nguyễn Hữu Cầu], giặc Chất vùng đông-nam. Chất chạy vào Thanh Hóa, Cầu chạy vào Nghệ An..." (Tư liệu của Viện Sử học).

(8). Theo *Minh đô sử*. Sđd: "Bị quan quân đánh bại, Chất cùng với con là Công Toản ôm đầu chạy về Mỹ Lương nương tựa ngụy Tương (ở xã Vĩnh Đồng, nay thuộc tỉnh Hòa Bình). Tương bị diệt, Công Chất lại cùng đồ đảng chạy về Hưng Hóa giữ động Mãnh Thiên.

(Theo HLTSKL, thủ lĩnh Tương đã cùng Lê Duy Mật "họp quân chiếm giữ các địa phương Ngọc Lâu, Vĩnh Đồng, thuộc thượng du Tây-Hưng. Quan quân tiến thì chạy tan, quan quân đi khỏi thì lại tỏa ra các nơi cướp phá").

(9). Theo tác giả *Minh đô sử*, người Hán viết "Mường" là "Mãnh"; viết "Thanh" (Then) là "Thiên" và ghi địa danh Mường Thanh là Mãnh Thiên.

(10). Lê Quy Đôn. *Kiến văn tiểu lục*, Quyển IV - Bản dịch của Nxb, Sử học, Hà Nội 1962, tr.346-389.

(11). Quốc Sử quán triều Nguyễn. *Đại Nam nhất thống chí*. (Bản dịch), Nxb, Khoa học xã hội, Hà Nội, 1969.

(12). Lê Quy Đôn. *Kiến văn tiểu lục*. Sđd.

(13). *Hậu Lê thời sự kỷ lược*. Sđd.

(14). (Những hoạt động của Hoàng Công Chất trong thời kỳ ở Tây-Bắc - Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 81, tháng 12-1965, tr. 50-54).

(15). "... Chúa cho ta nước uống, ta được uống

Chúa cho ta cơm ăn, ta được ăn

Chúa bảo ta đắp thành, ta xây ta đắp

Thành to thành đẹp

Thành vững đứng giữa cánh đồng

Giặc nào chẳng khiếp sợ

Hào vây quanh thành sâu hơn mười sải

Mặt thành rộng hai chục sải tay

Ngựa phi, voi chạy, lính đứng gươm trần sáng loáng

Chúa cưỡi ngựa trên mặt thành uy nghiêm

Nào ta hãy lấy tre về trồng cho khắp

Tre Mường Thanh, chúa bảo đừng lấy

Hãy lấy tre có gai vàng như ngà

Tận miền xuôi về trồng mới tốt

Lấy hơn bốn mươi ngàn khóm

Bao quanh thành, thành vững chúa yên lòng..."

(16). Lại có truyền thuyết kể rằng: Bấy giờ dân Mường Thanh bị điêu đứng vì nạn giặc cướp. Một hôm các già bản họp nhau đi tìm người biết thương

dân về diệt giặc cỏ. Họ mổ lợn cúng "ma nhà". Tiệc đang nồng, bỗng xuất hiện hai người lạ mặt, nhưng rồi mọi người nhận ra ngay đó là hai anh em Ngải, Khanh; các già bản mừng rỡ, vì đã lâu lắm mới gặp lại họ. Ngải, Khanh được mời ngồi ở vị trí trang trọng của bàn tiệc. Hai anh em kể lại những ngày xa quê hương, được gặp "quan thầy" Hoàng Công Chất, "người có phong thái giản dị, mặc quần áo nâu, vừa biết đi cày lại rất mực giỏi võ nghệ...". Các già bản hỏi: hai anh em học được gì ở "quan thầy mặc áo nâu" đó? Ngải, Khanh đáp: cày ruộng thì chẳng cần học thêm, nhưng có cái này thì phải học ngay. Nói đoạn, hai anh em bèn rút dao găm cắm phập lên sà nhà. Họ lại ném tiếp con dao găm thứ hai cắm nối đuôi vào con dao thứ nhất, lại ném tiếp con dao thứ ba vào đuôi con dao thứ hai, cứ như thế liên tiếp đến hết con dao thứ bảy. Bảy con dao găm nối nhau thành một chuỗi dao lơ lửng từ sàn nhà xuống bàn rượu. Tiếp đó, Ngải, Khanh lại trổ tài múa kiếm, mọi người đều trầm trồ khen ngợi, cho rằng hai anh em Ngải, Khanh tài giỏi như vậy thì "ông thầy mặc áo nâu" ắt phải là người tài ba có một không hai trên đời này. Ngải, Khanh bèn xin phép già bản đi đón "ông thầy mặc áo nâu" về đuổi giặc, cứu bản mường.

(17). 10 châu của phủ Yên Tây, gồm: Chiêu Tấn (vùng Sình Hồ), Quỳnh Nhai (vùng Quỳnh Nhai ngày nay), Lai Châu (vùng Châu Lai, Mường Tè), Luân Châu (thuộc Lai Châu ngày nay), Quảng Lăng, Hoàng Nham, Hợp Phì, Lễ Toàn, Tuy Phụ, Khiêm Châu (nay thuộc Vân Nam).

(18). Lê Trọng Hàm. *Minh đô sử*. Sđd.

(19). Tham khảo Minh đô sử: "Năm Đinh Hợi, Cảnh Hưng thứ 28 [1767], mùa đông tháng 10, Hoàng Văn Chất (Công Chất) cướp trấn Hưng Hóa, liền cướp cả trấn Thanh Hoa. Sai Trịnh Phưởng chia đường tới đánh. Hoàng Văn Chất cướp phá các châu Mai, châu Mộc ở Hưng Hóa, lại cướp các sách động ở Quan Gia (tên châu, thuộc tỉnh Thọ Xuân), Cổ Lũng, Thiết Úng (tên sách, huyện Cẩm Thủy), ái Chử (tên động, thuộc huyện châu Quan Gia), Bất Một (tên động, thuộc châu Lang Chánh) ở Thanh Hoa. Lại mưu đánh úp phủ Phụng Hóa, muốn chiếm cứ Khang Chính (nay là Lang Chánh) để dòm ngó An Trường. Hợp quân hơn vạn".

(20). "Tháng 12, Đinh Hợi [1767], Hoàng Văn Chất giữ động Bảo La (tên động, là một trong ba động của Mai Châu), người Thổ ở Mường Mai đều theo, hiệu lệnh tuy nghiêm nhưng tụ họp ô hợp (...). Đạo quân Hưng Hóa đóng ở thôn Hạ, đạo quân Trường An đóng ở Đồng Bãi, cách giặc không xa mấy. Đình thần đều xin giáp công, Trịnh Sâm nghe theo. Quan lưu thủ ở Hưng Hóa là Hoàng Phùng Cơ nói rằng: đất Bảo La rất hiểm, giáp công không tiện, nếu bạt được đồn đó thì giặc lại tiến Mai Châu, thành ra lại đi không về không. Nay xin chọn quan chia giữ, 4 đạo chia nhau cùng tiến thì mới thu được thắng lợi. Bấy giờ Nguyễn Bá Lân (tuyên phủ sứ đạo Hưng Hóa) có em là Nguyễn Luyện ốm chết nên xin rút quân, từ chức tuyên phủ. Việc giáp công bèn thôi" (Minh đô sử).

(21). Lê Trọng Hàm. *Minh Đô sử*. Sđd.

(22). Dựa theo sự mô tả nhật trình rất chi tiết của Lê Quý Đôn (Trong *Kiến văn tiểu lục*), các cánh quân Lê-Trịnh xuất phát từ Cổ Pháp lên Mường Thanh có thể đi theo 3 đường, và đều phải đi 28 ngày hoặc 1 tháng 3 ngày mới đến nơi.

(23). Ở một bản tâu khác, Nguyễn Đình Huấn nhắc lại những khó khăn trên đường hành quân lên Mường Thanh: "Đường vận lương hiểm trở... ở hai châu Mai, Mộc dân phần nhiều theo giặc, không sợ sự ước thúc của triều đình. Việc nộp lương giúp quân mà dựa vào dân là không thể được (...). Giặc Chất dựa vào thế xa, hiểm, giỏi đắp hào lũy, tích trữ được nhiều, đã vài chục năm. Nay xin dừng việc tiến quân vào sâu, vì đường tiếp tế khó khăn, chưa dễ gì trong mươi ngày mà phá được...". Lê Trọng Hàm. Minh đô sử. Sđd.

(24). Quốc Sử quán triều Nguyễn. *Đại Nam nhất thống chí*. Sđd.

(25). *Bình hưng thực lục*. Tư liệu Đại học Tổng hợp Hà Nội (Bản dịch).

(26). Lê Trọng Hàm. *Minh đô sử*. Sđd.

(27). Khái quát về cuộc khởi nghĩa Hoàng Công Chất, sách *Bình Hưng thực lục* viết:

"Giặc Chất chiếm cứ Thanh Châu, dựa chỗ hiểm xa, tụ quân chứa thóc, hiếp chế các châu thượng du, từ Sơn La, châu Việt trở lên, không biết hiệu lệnh triều đình gần 20 năm. Trấn tướng Hưng Hóa chia đường chống giữ, chưa từng đi đến nơi đó. Chúa mới [Trịnh Sâm] cầm chính quyền, giặc nhân sơ hở lan tràn xuống châu Mai, kết hợp với giặc Mật ở Trấn Ninh, chia quân ra các nơi, toan dòm ngó đất đai gần Thanh Hóa, thế rất dữ dội. Nhiều người lo rằng đất hiểm, đường vận lương xa, khó lòng đánh được...".

Vẫn theo *Bình Hưng thực lục*, "Chiếm xong Mường Thanh, quan quân sai tìm mả giặc Chất, đào mả, mở quan tài ra chém xác...; có người còn nhận được áo trận của Chất vẫn mặc từ trước. Lập tức thu hài cốt đốt ra tro, tung đi".

(28). Phan Huy Lê, Chu Thiên, Vương Hoàng Tuyên, Đinh Xuân Lâm. *Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam*. tập 3. Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1960, tr. 213.

NGHỊ VIỆN CHÂU ÂU VỚI VIỆC DẠY HỌC LỊCH SỬ...

(Tiếp theo trang 67)

(4). *Encyclopédia pratique de l' éducation en France*, Paris, 1960, tr. 663.

(5). *Revue analytique de l' éducation*. Volume XV, Vo-3, 1963, L'enseignement de l' Histoire, UNESCO, Paris, 965, tr. 5.

(6). Rap parts I. *Grando thèmes de Mothodolegie, Xvcongrèo International des sciences historiaues*. Acadènie de R S Roumanie, Bucuresti, 1980, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 563.

(7). Gordon R. Mork. *Giảng dạy lịch sử trên thế giới sau thời kỳ Chiến tranh lạnh: Kinh nghiệm xây dựng chương trình lịch sử một cách tiên tiến*. Tài liệu dịch, lưu tại tổ Phương pháp dạy học lịch sử, Khoa lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

(8). Henri Moniot et Maciej serwanski: L' Histoire et ses fonctions - Une pensée et de practiques à présent, L' Harmattan, Paris, 2000, tr. 130-132.

(9). Mr. De Puig: Bản ghi nhớ có giải thích về các báo cáo của Uỷ ban văn hóa và giáo dục trước phiên họp của nghị viện châu Âu, trong quyển *L' Histoire et l' enseignement de l' Histoire en Europe*, Strasbourg, 1996.

(10). Khuyến nghị số 1283 về lịch sử và học tập lịch sử ở châu Âu. Tư liệu số 7746, Báo cáo của Ủy ban văn hóa giáo dục, nghị viện châu Âu, trong quyển *l' Histoire et l' enseignement de l' Histoire en Europe*, Strasbourg, 1996.